

# TOÁT YẾU KINH TRUNG BỘ QUYỂN III

---

## Chú Giải

Thích Nữ Trí Hải dịch

### **Chỉ mục bài viết**

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển III

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển  
III.105-

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển  
III.110-

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển  
III.115-

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển  
III.120-

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển

III.125-

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển

III.130-

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển

III.135-

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển

III.140-

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển

III.145-

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển

III.150-

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển I

Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển II

Tất cả các trang

Trang 1 của 13

Mỗi kinh do Tôn giả Ananda trùng tuyên đều bắt đầu với câu “Tôi nghe như vậy”, mà không nói “Đức Phật đã dạy như vậy” điều ấy rất đáng bắt chước. Vì tôi là ai mà dám làm phát ngôn nhân cho Phật? Lỡ Phật nói một đường, tôi nghe một nẻo thì sao? Cho nên đây chỉ là theo như tôi được nghe, chứ không phải theo như lời Phật dạy.

...Bản toát yếu này chỉ là những gì do tôi hiểu được qua lời kinh, vào một thời điểm nào đó mà thôi. Và tôi đã toát yếu để cho tự mình nhớ được chút ít những lời vàng ngọc của đức Thế Tôn, để tự tu tập cho bản thân mình. Bởi thế người đọc hoàn toàn không thể bỏ qua bản gốc của Hòa thượng Thích Minh Châu đã dày công phiên dịch.

Nếu đọc toát yếu này mà bỏ qua Kinh gốc thì cũng như bỏ đại dương để lấy vài giọt nước muối.

Vậy, sau hết và trước hết, bản toát yếu này chỉ là một tập sách giúp trí nhớ cho những ai đã nhiều lần nghiền ngẫm Kinh Trung bộ...

**Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển III**

**Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển I**

**Toát yếu Kinh Trung Bộ Quyển II**

**Dịch giả: Hòa thượng Thích Minh Châu**

**Tóm tắt & chú giải: Ni sư Thích Nữ Trí**

**Hải**

**Bản Anh ngữ tóm tắt: Hòa thượng**

**Nanamoli**

**Nhà Xuất bản Tôn giáo Hà Nội. PL. 2546 –**

**DL. 2002**

## Mục Lục Quyển III

101. Kinh Devadaha

102. Kinh Năm Và Ba

103. Kinh Nghĩ Như Thế Nào?

104. Kinh Làng Sama

105. Kinh Thiện Tinh

106. Kinh Bất Động Lợi Ích

107. Kinh Ganaka Moggalana

108. Kinh Gopaka Moggalana

109. Đại Kinh Mãn Nguyệt

110. Tiểu Kinh Mãn Nguyệt

111. Kinh Bất Đoạn

112. Kinh Sáu Thanh Tịnh

113. Kinh Chân Nhân

114. Kinh Nền Hành Trì, Không Nền Hành Trì

115. Kinh Đa Giới

116. Kinh Thôn Tiên

117. Đại Kinh Bốn Mươi

118. Kinh Nhập Tức Xuất Tức Niệm

119. Kinh Thân Hành Niệm

120. Kinh Hành Sanh

121. Kinh Tiểu Không

122. Kinh Đại Không

123. Kinh Hy Hữu Vị Tăng Hữu Pháp

124. Kinh Bạc Câu La

125. Kinh Điều Ngự Địa
126. Kinh Phù Di
127. Kinh A Na Luật
128. Kinh Tùy Phiền Nã
129. Kinh Hiền Ngu
130. Kinh Thiên Sứ
131. Kinh Nhất Dạ Hiền Giả
132. Kinh A Nan Nhất Dạ Hiền Giả
133. Kinh Đại Ca Chiên Diên Nhất Dạ Hiền Giả
134. Kinh Lomasakangiya Nhất Dạ Hiền Giả
135. Tiểu Kinh Nghiệp Phân Biệt
136. Đại Kinh Nghiệp Phân Biệt

137. Kinh Phân Biệt Sáu Xứ
138. Kinh Tổng Thuyết Và Biệt Thuyết
139. Kinh Vô Tránh Phân Biệt
140. Kinh Giới Phân Biệt
141. Kinh Phân Biệt Về Sự Thật
142. Kinh Phân Biệt Cúng Dường
143. Kinh Giáo Giới Cấp Cô Độc
144. Kinh Giáo Giới Channa
145. Kinh Giáo Giới Phú Lô Na
146. Kinh Giáo Giới Nandaka
147. Tiểu Kinh Giáo Giới La Hầu La
148. Kinh Sáu Sáu
149. Đại Kinh Sáu Xứ



150. Kinh Nói Cho Dân Chúng  
Nagaravinda

151. Kinh Khất Thực Thanh Tịnh

152. Kinh Căn Tu Tập

## **Tri Ân**

Kính lễ Đức Như Lai, bậc A La Hán  
Chính Đẳng Giác.

Kính lễ Hòa thượng (Thượng) Minh  
(Hạ) Châu phiên dịch Nikàya.

Kính lễ Đại đức Nanamoli và Bodhi  
cùng chư vị luận sư Nikàya mà con  
tham khảo.

Xin gia bị cho con diễn dịch không lạc  
xa Thánh ý.

Xin cho Pháp bảo này ai được đọc sẽ

xa lìa kiến chấp, phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Nguyện cho con được như Phật, “vì hữu tình sinh ra đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho nhân loại và chư thiên”.

### **Mỗi kinh gồm năm phần:**

I. Toát yếu bằng Anh ngữ của Nanamoli và dịch.

II. Tóm tắt.

III. Chú giải theo luận giải kinh Trung bộ, bản Anh ngữ của hai Đại đức Nanamoli và Bodhi.

IV. Pháp số liên hệ.

V. Kệ học thuộc lòng.

## Ghi Chú Quan Trọng

Ba tập toát yếu kinh Trung bộ I, II và III này, tôi đã làm ít nhất ba lần, và mỗi lần đều làm sau khi đã đọc kỹ bản dịch của Hòa thượng. Thế nhưng mỗi lần tôi đều toát yếu một cách khác, nhất là sau khi được đọc bản phiên dịch và chú thích bằng Anh ngữ của Đại đức Nanamoli và Mahabodhi. Như vậy đủ biết, những lời Phật dạy như núi cao, biển cả, mà sự học hiểu của mình chỉ như một cái xẻng đào đất hay cái muỗng múc canh, mỗi lúc chỉ lấy được một ít và rất phiến diện. Bởi thế mà Hòa thượng thường dạy, Ngài không bao giờ “giải thích” lời Phật dạy, mà chỉ cố gắng dịch cho đúng nguyên văn của Người xưa dù có tới nghĩa đến đâu.

Đây là cái đức khiêm cung của Ngài, trong vô số đức tính mà tôi ngưỡng mộ.

Mình là ai mà dám toát yếu lời Phật dạy? Lỡ mình để tuột mất cái điểm cốt yếu trong lời Ngài dạy thì sao? Như vậy sẽ mang tội lớn với Phật, với Thầy, Tổ. Bởi vậy, ngày càng tôi càng miến cưỡng trong việc phổ biến ba tập toát yếu này, vì sợ công ít mà tội nhiều. Khi làm xong tập thứ hai, đem khoe Thầy Chơn Thiện, Thầy phán rằng: “Kinh không bao giờ nên tóm tắt”. Tôi giật mình, và bỏ dở công việc gần hai năm trời, mặc dù đã gần xong tập cuối, đến kinh Nhất Dạ Hiền Giả. Sau đó, anh Hồ Hồng Phước ở Luân Đôn, người thường gửi cho tôi những sách Phật

học bằng Anh ngữ mới xuất bản tại nước ngoài, thúc giục tôi gửi sang tiếp vì có người đã hào hứng in ra biểu không hai tập đầu. Thế là tôi lại hăng hái tiếp tục!

Mỗi kinh do Tôn giả Ananda trùng tuyên đều bắt đầu với câu “Tôi nghe như vậy”, mà không nói “Đức Phật đã dạy như vậy” điều ấy rất đáng bắt chước. Vì tôi là ai mà dám làm phát ngôn nhân cho Phật? Lỡ Phật nói một đường, tôi nghe một nẻo thì sao? Cho nên đây chỉ là theo như tôi được nghe, chứ không phải theo như lời Phật dạy.

Bản toát yếu này cũng thế, đây chỉ là những gì do tôi hiểu được qua lời kinh, vào một thời điểm nào đó mà thôi. Và

tôi đã toát yếu đề cho tự mình nhớ được chút ít những lời vàng ngọc của đức Thế Tôn, đề tự tu tập cho bản thân mình. Bởi thế người đọc hoàn toàn không thể bỏ qua bản gốc của Hòa thượng Thích Minh Châu đã dày công phiên dịch. Nếu đọc toát yếu này mà bỏ qua Kinh gốc thì cũng như bỏ đại dương để lấy vài giọt nước muối.

Vậy, sau hết và trước hết, bản toát yếu này chỉ là một tập sách giúp trí nhớ cho những ai đã nhiều lần nghiền ngẫm Kinh Trung bộ, và có thể họ đã toát yếu một cách khác, thì sách này sẽ bổ túc cho trí nhớ của họ. Những người mới đọc Kinh Trung bộ lần đầu, thì qua toát yếu này sẽ nắm được vài ý để hướng dẫn mình trên đường tu tập chứ

không chỉ là “chuyên ký danh ngôn” vì kỳ thực Phật không dạy điều gì nếu không phải để đưa người đến chuyên mê khai ngộ.

Xin dâng lên Hòa thượng lòng tri ân vô bờ bến.

## **Trung Bộ Kinh - Bài Kinh Số 101: Kinh Devadaha**

### **I. Toát Yếu**

Devadaha Sutta.

At Devadaha. The Buddha examines the Jain thesis that liberation is to be attained by self-mortification, proposing a different account of how striving becomes fruitful.

(Phật xem xét chủ trương của Kỳ na

giáo cho cần khổ hạnh mới đạt giải thoát, và đề nghị một giải thích khác, làm thế nào để tinh cần đem lại kết quả.)

## II. Tóm Tắt

Tại thị trấn Devadaha của bộ tộc Sakya (Thích Ca), Phật thuật lại cho chúng Tỳ kheo việc Ngài luận bại chủ trương của lỏa thể ngoại đạo Nigantha (Ni Kiên Tử).

1. Ngoại đạo Ni Kiên Tử chủ trương: Tất cả cảm thọ vui, khổ, trung tính đều do nghiệp quá khứ (1). Nếu diệt nghiệp quá khứ (bằng khổ hạnh), không tạo nghiệp mới, thì tất cả nghiệp chấm dứt. Do nghiệp đoạn, khổ đoạn; do khổ đoạn, cảm thọ đoạn; do cảm thọ đoạn,



tất cả khổ sẽ chấm dứt (2). Phật dạy, vì họ không biết gì về đời quá khứ, không biết thiện pháp hiện tại; nên thật không hợp lý chủ trương như vậy (3). Ví như người bị trúng tên độc cảm thọ đau đớn lúc y sĩ mổ xẻ, lúc vật dụng dò tìm chạm da thịt, lúc mũi tên được rút ra, lúc đốt miệng vết thương, lúc đắp thuốc. Khi vết thương lành, người ấy phải nhớ đã trải qua những đau khổ như thế nào, và cũng biết hiện tại mình đã khỏi bệnh, an vui.

2. Các Ni Kiền Tử nói: Nigantha tự xưng có tri kiến toàn diện luôn tồn tại khi đi đứng ngủ thức. Ông đã dạy tu khổ hạnh để làm mòn ác nghiệp cũ, hộ trì thân khẩu ý để tương lai không tạo ác nghiệp. Chúng tôi hoan hỉ tin nhận

lý thuyết ấy. Phật dạy những gì ta tin tưởng, hoan hỉ chấp thuận, nghe đồn, xét thấy có lý, chấp nhận một quan điểm - cả năm điều ấy có thể đúng hoặc sai.

3. Vì chỉ có đau đớn khốc liệt khi có tha thiết tinh cần, không tinh cần thì không khổ, nên nói cảm thọ do nhân các nghiệp quá khứ là sai. Lại nữa, khổ hạnh không thể làm cho nghiệp hiện báo (4) thành sanh báo và ngược lại; nghiệp có khổ báo thành nghiệp lạc báo và ngược lại; nghiệp đã chín (5) thành chưa chín và ngược lại; nghiệp nhiều báo thành ít báo và ngược lại; nghiệp có báo thành nghiệp không báo (6) và ngược lại.

4. Phật kết luận: Ni Kiền Tử đáng bị chỉ trích vì mười điểm: Nếu cảm giác khổ vui do nghiệp quá khứ, thì quá khứ họ đã làm nhiều phi pháp; nếu do tạo hóa (7) họ đã có một tạo hóa hung ác; nếu do kết hợp các điều kiện (8), họ đã kết hợp ác duyên; nếu do sinh loại (9), họ bị ác sinh loại; nếu do tinh tấn hiện tại, họ đang thực hành tà tinh tấn. Nếu khổ vui không do năm nguyên nhân ấy, Ni Kiền Tử vẫn đáng bị chỉ trích, vì vô có tự chuốc khổ.

5. Tinh tấn có kết quả là khi vị Tỷ kheo không để tự ngã bị khổ thắng lướt, không từ bỏ lạc thọ hợp pháp nhưng cũng không bị nó chi phối (10). Vị ấy biết hai cách diệt trừ tham dục (nhân khổ) là tinh cần và xả (11). Vì khi tinh

cần thì không có tham dục; cũng thế khi tu xả. Ví như có người sầu khổ vì nhiệt tình ái mộ một cô gái, khi biết vậy bèn xả tâm luyến ái và từ đây đâm ra dửng dưng dù thấy nàng nói cười với bất cứ ai. Sự tinh cần chống lại ái dục trong trường hợp ấy được gọi là tinh tấn hợp pháp. Lại nữa nếu tự thấy lạc thọ khiến bất thiện tăng, thiện giảm, ngược lại tinh cần khiến thiện tăng (12), bất thiện giảm; vị Tỳ kheo sẽ khổ hạnh vừa đủ để nhiếp phục tự ngã, như thợ làm tên nung tên cho dễ uốn. Sự tinh cần có kết quả là như cuộc đời Phật từ khi xuất gia đến lúc thành đạo.

6. Và Phật kết luận có mười trường hợp Như Lai đáng được tán thán, ngược lại với mười điều đáng chỉ trích

của Ni Kiền Tử: Nếu lạc khổ do nghiệp quá khứ, Như Lai đã làm thiện hành nên nay được tối thắng lạc; nếu do tạo hóa, Như Lai đã được sinh bởi một tạo hóa toàn thiện; nếu do duyên hợp, Như Lai đã kết thiện duyên; nếu do sinh loại, Như Lai đã được thiện sinh; do tinh cần hiện tại, Như Lai đã thiện tinh tấn. Với năm giả thuyết ngược lại Như Lai cũng đáng được tán thán.

### **III. Chú Giải**

1. Trong Tương ưng 36, 21 và Tăng chi 3, 61, Phật cũng bác bỏ thuyết này của Kỳ na giáo, cho cảm thọ vui khổ là do nghiệp quá khứ. Giáo lý Phật thừa nhận có thứ cảm thọ không do nghiệp quá khứ mà do nghiệp hiện tại, và còn

có thứ cảm thọ không có tác dụng nghiệp và cũng không phải là hậu quả nghiệp.

2. Đây là chủ trương của Ni Kiền Tử, như trong kinh số 14.

3. Thuyết Ni Kiền Tử không hợp lý vì chính sự tha thiết tinh cần (khổ hạnh) khiến cảm thọ đau đớn không phải là nghiệp quá khứ.

4. Nghiệp hiện báo là hành động có hậu quả ngay trong đời này.

5. Nghiệp báo đã chín cũng đồng nghĩa với nghiệp hiện báo, nghĩa là phải chịu hậu quả ngay bây giờ. Nghiệp chưa chín đồng nghĩa với nghiệp sanh báo nghĩa là phải chịu hậu quả ở đời kế tiếp. Nhưng có sự phân biệt như sau.

Tất cả nghiệp nào có quả báo trong cùng một đời đều được gọi là hiện báo, song chỉ có những nghiệp đem lại quả báo trong vòng bảy ngày mới được gọi là nghiệp đã chín.

6. Nghĩa là một nghiệp không có cơ hội đem lại quả báo.

7. Issaranimmànehetu. Thuyết này của hữu thần giáo bị Phật bác bỏ trong kinh Tăng chi 3, 61.

8. Sangatibhàvaheṭu, ám chỉ học thuyết của Makkhali Gosàla (Mạt già lê), bị bác bỏ đông dài trong kinh Trung 60 và Tăng chi 3.

9. Abhijàtiheṭu, một tín điều của Makkhali Gosàla.

10. Thuyết Trung đạo của Phật, tránh cực đoan khổ hạnh ép xác và cực đoan say đắm dục lạc.

11. Kinh số giải thích nguồn gốc khổ là tham ái, được gọi thế vì đây là gốc rễ của khổ bao hàm trong năm uẩn. Đoạn kinh này đưa ra hai cách diệt tham ái là nỗ lực tinh cần và buông xả. Sự tàn tạ của nguồn gốc, theo Kinh số, là đạo lộ siêu thế. Đoạn kinh này muốn ám chỉ cách tu tập của một vị lợi tuệ đi trên con đường vui (sukhapatipadà khippàbhinnà).

12. Đoạn này hiển thị lý do Phật cho phép chư Tỳ kheo tu khổ hạnh đầu đà một cách vừa phải để vượt qua những nhiệm ô. Những khổ hạnh trong đạo



Phật không phải để làm tiêu mòn nghiệp cũ và thanh luyện tâm hồn như Kỳ na giáo và ngoại đạo chủ trương. Theo Kinh số, đoạn này hiển thị sự tu hành của một Tỷ kheo có tuệ chậm lụt đi trên con đường gian nan (dukkhapatipadà dandhàbhinnà).

#### **IV. Pháp Số Liên Hệ**

#### **V. Kế Học Thuộc Lòng**

##### 1. Ở Deva-daha

Thị trấn tộc Sakya

Phật thuật lại tỏ tường

Luận bại Ni Kiên Tử.

Pháp này nói khổ vui

Đều do nghiệp quá khứ

Nghiệp đoạn cảm thọ đoạn  
Thọ đoạn, dứt khổ đau.  
Nhưng vì không thể biết  
Đời quá khứ ra sao  
Đã tạo nghiệp thế nào  
Đến mức nào hết khổ?  
Làm sao trong hiện tại  
Thành tựu các hạnh lành?  
Không biết những việc ấy  
Thuyết họ thành vô căn.  
Như người trúng tên độc  
Chịu đau lúc mổ xẻ  
Lúc dò tìm tên độc,

Lúc rút mũi tên ra,  
Lúc đốt nung, đắp thuốc  
Khỏi bệnh phải nhớ ra  
Khổ đau càng cay đắng  
An vui thêm mặn mà.

2. "Ni Kiên Tử toàn trí  
Có tri kiến toàn diện  
Lúc đi đứng ngủ thức.  
Dạy khổ hạnh nghiệp tiêu.  
Hộ trì thân khẩu ý,  
Tương lai khỏi tạo ác  
Nghiệp đoạn sẽ dứt khổ  
Tôi hoan hỉ lời này."

Phật dạy điều ta tin  
Hoặc hoan hỉ chấp thuận,  
Hoặc nghe nhiều người nói,  
Hoặc xét thấy hay ho,  
Hoặc chấp nhận quan điểm  
Đều có thể làm to.

Và Ngài bác chủ trương  
Thọ do nghiệp quá khứ.

Vì ngay trong hiện tại  
Họ chịu khổ khốc liệt  
Khi tha thiết tinh cần,  
Không tinh cần không khổ.

3. Khổ hạnh không thể chuyển

Hiện báo thành sanh báo  
Khổ báo thành lạc báo  
Đã chín thành chưa chín  
Nhiều báo thành ít báo  
Có báo thành không báo  
Vì không chuyển được gì  
Nên Khổ hạnh vô ích.

4. Nếu cảm giác khổ vui  
Là do nghiệp quá khứ  
Thì chắc Ni Kiền Tử  
Đã làm nhiều phi pháp  
Nếu do một tạo hóa  
Tạo hóa ấy hung ác

Nếu do nhiều duyên hợp,

Ni Kiền bị ác duyên

Nếu do sáu sinh loại

Họ thuộc ác sinh loài

Nếu do nghiệp hiện tại,

Ni Kiền nỗ lực sai.

Nếu cảm giác khổ vui

Không do năm nhân ấy,

Ni Kiền vẫn đáng chê

(Vì vô cơ chuốc khổ).

5. Tinh tấn có kết quả

Là khi vị Tỳ kheo

Nhận lạc thọ hợp pháp

Bất động trước khổ vui.  
Vị ấy biết rõ rằng  
Tham dục không khởi lên  
Khi tinh cần nỗ lực  
Hoặc khi tu tập xả  
Vị như có một người  
Say đắm một nữ nhân  
Do nhiệt tình ái mộ  
Nên mất ngủ mất ăn  
Đau khổ vì hờn ghen  
Trái tim chàng tan nát  
Những khi thấy cô nàng  
Vui đùa cùng kẻ khác.

Sau thấy sự tai hại  
Bèn dứt bỏ mê say  
Tâm an nhiên tự tại  
Mặc ai cười với ai.  
Phật đưa ví dụ này  
Hiện thị có hai cách  
Để trừ diệt tham ái  
Nguyên nhân của khổ sầu:  
Một là tu tập xả  
Không ái luyến tham cầu  
Hai tinh cần nỗ lực  
Khi vướng lụy mắc câu.  
Tinh cần tiêu ái dục



(Nguyên nhân của khổ đau)  
Là tinh cần hợp lý  
Trong pháp Phật nhiệm màu.  
Lại nữa nếu trú lạc  
Mà ác tăng, thiện giảm  
Nên khổ hạnh hợp lý  
Để nhiếp phục bản thân.  
6. Như Lai đáng tán thán  
Vì cả mười trường hợp:  
Dù khổ vui hữu tình  
Do nghiệp cũ hay không.  
Như Lai đã thiện hành  
Nay gặt Niết bàn lạc

Không như ai làm ác  
Khiến nay phải hành xác;  
Dù khổ vui hữu tình  
Do, không do tạo hóa:  
Như Lai đã được tạo  
Bởi tạo hóa thiện hiền.  
Dù khổ vui hữu tình  
Do, không do các duyên:  
Như Lai thiện kết hợp  
Tối thắng lạc hiện tiền.  
Dù khổ vui hữu tình  
Do, không do sinh loại:  
Như Lai sinh loại lành

Nay được Niết bàn lạc.

Dù khổ vui hữu tình

Do, không do tinh tấn

Như Lai khéo tinh tấn

Nay được Niết bàn vui.

## **Trung Bộ Kinh - Bài Kinh Số 102: Kinh Devadaha**

### **I. Toát Yếu**

Devadaha Sutta.

A survey of various speculative views about the future and the past and of misconceptions about Nibbàna.

(Xét qua các kiến chấp siêu hình về vị lai quá khứ và những quan niệm sai lạc về Niết bàn.)

## II. Tóm Tắt

Tại vườn Cấp Cô Độc (1), Phật dạy chúng Tỳ kheo các chủ thuyết ngoại đạo luận bàn về tương lai tự ngã sau khi chết:

1. không bệnh (2), có tướng;
2. không bệnh, không tướng;
3. không bệnh, phi tướng phi phi tướng;
4. đoạn diệt;
5. Hiện tại Niết bàn.

Tóm lại, ba chủ trương đầu thuộc thường kiến (cho rằng sau khi chết, tự ngã tồn tại không bệnh), chủ trương 4 là đoạn kiến (cho hữu tình chết là hết);

chủ trương cuối chấp hiện tại Niết bàn. Những chủ thuyết ấy xoay vần từ 5 còn lại 3 (gồm 3 loại thường kiến kể như một, một đoạn kiến và một hiện tại Niết bàn), hoặc từ 3 thành 5.

A. Thường kiến loại một là Hữu tướng (sau khi chết tự ngã không bệnh, có tướng), chia ra nhiều thuyết: 1. (tự ngã) có sắc; 2. không sắc; 3. vừa có vừa không sắc; 4. không có không không sắc; 5. tướng đồng nhất; 6. tướng dị biệt; 7. tướng hữu hạn; 8. tướng vô lượng (3). Vượt trên các tướng này, còn có một số ít cho rằng tự ngã là biến xứ Thức vô lượng và bất động (4), hoặc cho tự ngã là tướng Vô sở hữu xứ. Họ cho cái tướng không có gì siêu việt các tướng về sắc, vô sắc, hữu hạn hay

vô lượng (5). Như Lai biết rõ đây toàn là hữu vi (có điều kiện), và cái gì có điều kiện đều thô. Nhưng có Niết bàn là sự chấm dứt các hành, và vì biết cái này là sự thoát ly, Như Lai đã ra khỏi các tướng ấy (6).

B. Thường kiến loại hai là Vô tướng (sau khi chết, tự ngã không có tướng, không bệnh) chia ra: 1. tự ngã có sắc; 2. không sắc; 3. vừa có vừa không sắc; 4. không có không không sắc (7). Những vị này bài bác chủ trương hữu tướng, cho tướng là bệnh hoạn, cục bấu, mũi tên, chỉ có vô tướng là an tịnh, cao cả. Đối với chủ trương vô tướng này, Như Lai biết rõ: Ngoài năm uẩn ra, không thể nói sự đến đi sinh diệt tăng trưởng thuần thực của thức

(8). Đây vẫn còn là hữu vi, thô. Thấy được cái này, tức sự thoát ly khỏi hữu vi, Như Lai đã vượt qua vô tướng.

C. Thường kiến loại ba là Phi tướng phi phi tướng, cũng có 4 trường hợp như trên là (tự ngã sau khi chết không bệnh, không có cũng không không tướng) có sắc, không sắc, cũng có cũng không, không có không không sắc (9). Những Sa môn Bà la môn này bài bác các chủ trương hữu tướng, và cũng bài bác chủ trương vô tướng. Họ nói hữu tướng là bệnh, cục bấu..., còn vô tướng thì kỳ cục (10); chỉ có cái này là thù diệu, đó là phi tướng phi phi tướng. Như Lai biết không thể có sự chứng nhập xứ này nếu còn tạo tác của thấy, nghe, cảm, biết (kiến văn giác tri), vì

đây là một tai họa cho việc chứng nhập xứ này (11). Họ lại công bố xứ này không phải được chứng nhập bằng các (tâm) hành, mà bằng tàn dư của các hành (12). Đây vẫn còn hữu vi thô. Như Lai biết rõ có sự chấm dứt các hành gọi là Niết bàn. Sau khi biết rõ Có cái này (Niết bàn), thấy rõ sự thoát ly khỏi cái kia (các hành), Như Lai đã vượt khỏi hành.

D. Đoạn kiến: Những Sa môn Bà la môn chấp sau khi chết tự ngã đoạn diệt, hủy diệt (13) thì bài bác cả ba chủ trương trên, là hữu tướng, vô tướng và phi tướng phi phi tướng. Như Lai biết những kẻ này sợ hãi chán ghét tự ngã nhưng vẫn chạy vòng quanh ngã (14), như một con chó bị cột vào dây cọc



không ngừng chạy quanh cây cọc.

Tóm lại, những kiến chấp về tương lai đều lập một trong năm xứ đã kể (15) (không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng, và hiện tại Niết bàn.)

E. Về quá khứ, các Sa môn Bà la môn có 16 kiến chấp như sau về tự ngã và thế giới:

1. Thường(16);
2. Vô thường (17);
3. Thường và vô thường (18);
4. Không thường, không vô thường (19);
5. Hữu biên (20);

6. Vô biên;
7. Hữu biên và vô biên;
8. Không hữu biên không vô biên;
9. Tưởng đồng nhất (21);
10. Tưởng sai biệt;
- 11-12. Tưởng hữu hạn, vô lượng;
- 13-14. Toàn vui, toàn khổ;
15. Vừa khổ vừa vui;
16. Không khổ không vui.

Những vị giữ một trong 16 kiến chấp này đều cho chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều sai. Nhưng về điều này, họ không có một tri kiến thuần tịnh thân chứng nào ngoài niềm tin, sự hoan hỷ chấp nhận, nghe đồn, suy xét lý do, chấp

nhận quan điểm (22). Cho nên dù họ có quan điểm gì cũng chỉ là chấp thủ tà kiến (23). Sau khi biết rõ Có cái này (Niết bàn), thấy rõ sự thoát ly khỏi cái kia (các hành), Như Lai đã vượt khỏi tất cả hành (24).

#### F. Hiện tại Niết bàn (25)

Một số Sa môn Bà la môn (26) từ bỏ quan điểm về quá khứ vị lai, ít dục, an trú viễn ly hỷ (27); nhưng khi viễn ly hỷ này diệt thì ưu tư sanh khởi, ưu tư diệt thì viễn ly hỷ sinh (28) như hết bóng mát lại bị nóng, hết nóng lại mát. Như Lai biết cái này là hữu vi pháp và đã vượt khỏi hữu vi. Lại có người còn vượt qua vượt khỏi hữu vi. Lại có người còn vượt qua viễn ly hỷ, đạt được

phi vật chất lạc (29) cho là thù diệu. Nhưng khi phi vật chất lạc bị diệt thì viễn ly hỷ sanh, và ngược lại. Cái này cũng thuộc hữu vi, Như Lai đã vượt qua. Có người vượt qua cả 2 thứ hỷ lạc trên, an trú bất khổ bất lạc cho là thù diệu. Nhưng khi bất khổ bất lạc này diệt, phi vật chất lạc (30) lại sinh, như bóng mát nhường chỗ cho sức nóng. Như Lai biết đây cũng thuộc hữu vi và đã vượt qua. Lại có người vượt qua tất cả chủ thuyết và tu tập trên, không dục kiết sử, vượt qua hỷ, lạc, vô khổ vô lạc, quán "ta là tịch tịnh không chấp thủ." (31) Nhưng Như Lai biết vị này vẫn còn chấp thủ (32).

Vô thượng tịch tịnh được Như Lai chính đẳng giác, đạt giải thoát không

chấp thủ (33) do biết tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt và nguy hiểm của 6 xúc xứ (34).

(Đại ý đoạn này Phật dạy người nào chứng đến tứ Thiên nhưng còn có ý nghĩ Ta là tịch tịnh thì vẫn còn chấp trước mặc dù đã đi đúng đường đến Niết bàn. Vô thượng Niết bàn được Như Lai thân chứng là khi thấy rõ cả 2 khía cạnh sinh và diệt, vị ngọt cùng nguy hiểm của 6 căn 6 trần, nhờ thấy rõ nên giải thoát chấp thủ vào 6 xúc xứ, nghĩa là thoát khỏi 5 uẩn hay cái Ta.)

### **III. Chú Giải**

1. Kinh này tương tự kinh Phạm Võng trong Trường Bộ kinh.

2. Aroga, vô bệnh, theo Kinh số, là

chấp thường (chủ trương sau khi chết tự ngã vẫn tồn tại).

3. Kinh Phạm Võng đề cập mười sáu kiến chấp kiêu này, gồm tám quan điểm nói ở đây và thêm: (tự ngã) hữu biên, vô biên, vừa hữu vừa vô, phi hữu phi vô biên; toàn vui, toàn khổ, vừa vui vừa khổ, không vui không khổ. Trong kinh này tám quan điểm sau được kể như những suy tưởng về quá khứ.

4. Rõ ràng những kiến chấp ngã vô sắc, có tướng đồng nhất hoặc tướng dị biệt, căn cứ vào sự chứng đắc Không vô biên xứ. Biến xứ Thức theo kinh số, là Thức vô biên xứ. Những người chứng Thức vô biên xứ tuyên bố xứ này là tự ngã.

5. Tướng trong Thiên vô sắc thứ ba - Vô sở hữu xứ - là vi tế nhất trong các tướng thế gian. Mặc dù trong Thiên vô sắc thứ tư (Phi tướng phi phi tướng) vẫn còn có một loại tướng, song nó quá vi tế nên không còn thích hợp để gọi là tướng.

6. Theo Kinh số, đoạn này có nghĩa như sau: Tất cả loại tướng này cùng các kiến chấp liên hệ đều hữu vi, và vì hữu vi nên thô. Nhưng có Niết bàn, được gọi là sự chấm dứt tất cả hành, nghĩa là cái hữu vi. Sau khi biết rõ Có cái này, nghĩa là Niết bàn, thấy sự thoát ly khỏi hữu vi, đức Như Lai đã vượt qua hữu vi pháp.

7. Bốn trường hợp sau (tướng đồng

nhất, dị biệt, hữu hạn, vô lượng) không được kể ở đây vì phái này chấp ngã là vô tướng. Kinh Phạm võng đề cập tám kiến chấp, ngoài bốn cái này thêm hữu biên, vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, phi hữu phi vô biên.

8. Theo Kinh số, lời này nhắm đến các cõi chúng sinh đủ cả năm uẩn. Trong các cõi vô sắc, thức sinh khởi không cần có sắc uẩn, và trong cõi vô tướng thì có sắc không thức. Nhưng thức không bao giờ sinh mà vắng bóng ba tâm uẩn kia (thọ, tưởng, hành).

9. Kinh Phạm võng kể thêm bốn chấp hữu biên vô biên, v.v...

10. Sammoha, ở đây có nghĩa khác với ngu si vọng tưởng như thường hiểu.



(Bản Anh dịch là stupefaction).

11. Kiến văn giác tri chỉ cho các nhận thức qua cửa ngõ giác quan. Muốn đắc Thiền vô sắc thứ tư, phải vượt qua mọi tâm hành thường ngày liên hệ các giác quan, vì nó là chướng ngại cho sự chứng đắc xứ này (Phi tướng phi phi tướng xứ). Do vậy tướng này gọi là phi tướng (neva sannì).

12. Sasankhàràvasesasamàpatti. Trong Thiền vô sắc thứ tư, một tâm hành vô cùng vi tế vẫn còn sót lại, nên gọi là Phi phi tướng.

13. Kinh Phạm võng giải thích bảy loại chấp đoạn, ở đây gồm chung thành một loại.

14. Sự sợ hãi chán ghét tự ngã là một

khía cạnh của phi hữu ái (vibhavaharà), khát khao phi hữu, gọi là đoạn kiến. Nó cũng còn mang sự chấp ngã, cho rằng lúc chết là ngã hủy diệt, và do đó mặc dù nó chối bỏ ngã, thuyết này vẫn trói buộc người ta vào vòng sinh tử.

15. Kỳ thực Phật mới kể ra có bốn loại tư duy về tương lai.

16. Quan điểm này bao gồm cả bốn hạng chấp thường tư duy về quá khứ, đề cập trong kinh Phạm võng.

17. Vì đây là quan điểm về quá khứ, ta có thể xem nó ngụ ý ngã và thế giới tự nhiên phát sinh không do từ đâu cả. Như vậy nó cũng gồm cả hai thuyết ngẫu sinh trong kinh Phạm võng.

18. Thuyết này bao gồm cả bốn loại chấp một phần bất diệt (thường).

19. Thuyết này có thể gồm luôn bốn loại chủ thuyết trườn uốn như con lươn nói trong kinh Phạm võng.

20. Các kiến chấp từ 5-8 tương đương với bốn thuyết về không gian (extensionists) trong kinh Phạm võng.

21. Tám chấp này, từ số 9 đến 16, trong kinh Phạm võng được kể vào các chủ thuyết về tương lai tự ngã bất diệt, hữu tướng.

22. Nghĩa là, chủ thuyết họ không căn cứ trên Trí tuệ mà chỉ dựa vào niềm tin hoặc suy luận. Kinh số 95 nói năm nền tảng niềm tin này có thể đưa đến hậu quả đúng hoặc sai.

23. Kinh số: đây không phải là chân thật trí mà chỉ là tà giải (hiểu sai), nên gọi là ôm giữ quan điểm (chấp thủ kiến).

24. Theo Kinh số, ngang đây đã bao gồm tất cả sáu mươi hai kiến chấp đề cập trong kinh Phạm võng; nhưng kinh này có phạm vi rộng lớn hơn vì nó còn bao gồm một trình bày về ngã kiến, nhất là ở đoạn cuối nói về một vị chứng tứ Thiên.

25. Tiêu đề này do đại đức Nanamoli đưa vào cho đủ số năm, vì ở trên Phật chỉ mới trình bày có bốn loại quan điểm.

26. Kinh số: Đoạn này cốt hiển thị rằng tất cả 62 kiến chấp siêu hình đều nặng

ngã kiến (chấp có chủ thể hay cái ta dưới dạng này hay khác).

27. Pavivekam pìtim, ám chỉ hai Thiền đầu có hí.

28. Theo Kinh số, ưu tư khởi lên là do mất Thiền. Ưu tư không khởi lên ngay sau khi Thiền (tâm) chấm dứt, mà khởi lên khi (hành giả) suy nghĩ về sự biến mất của (tâm) Thiền.

29. Niràmisam sukham. Đây là lạc ở Thiền thứ ba.

30. Thiền thứ tư.

31. Santo ham asmi, nibbuto ham asmi, anupàdàno ham asmi. Từ ngữ aham asmi, tôi là, chứng tỏ vị ấy vẫn còn chấp trước, như Phật sẽ hiển thị.

(Chú riêng của người dịch: Xem thêm kinh Kim Cương, chỗ Phật hỏi Tu Bồ Đề rằng A la hán có ý thức mình là A la hán không. Tu Bồ Đề bạch: Dạ không, vì nếu có tức còn chấp ngã, chưa thực sự thanh tịnh. Sở dĩ Phật nói con - Tu Bồ Đề - là kẻ ưa tịch tịnh cũng vì trong tâm con không còn một tạo tác nào cả, vô sở hành.)

32. Theo Kinh số, đây là ngã kiến, vì còn thấy ta là tịch tịnh.

33. Ở chỗ khác, giải thoát không chấp thủ (anupàdà vimokkha) có nghĩa là Niết bàn, nhưng ở đây có nghĩa là sự chứng quả A la hán.

34. Kinh Phạm võng cũng hiển thị sự liễu tri các khía cạnh tập khởi, đoạn

diệt, vị ngọt, nguy hiểm và xuất ly của sáu xúc xú là con đường vượt khỏi mọi kiến chấp.

#### **IV. Pháp Số Liên Hệ**

#### **V. Kệ Học Thuộc Lòng**

Phật dạy chúng Tỳ kheo

Ngoại đạo bàn tự ngã

Có ba loại chấp thường

Có tướng hoặc không tướng;

Một chấp ngã đoạn diệt;

Một hiện tại Niết bàn.

Đây là các chủ thuyết

Xoay vần giữa năm ba.

Chấp Hữu tướng gồm tám:

Ngã có sắc, không sắc  
Vừa có vừa không sắc  
Không có cũng không không;  
Ngã có tướng đồng nhất  
Hoặc có tướng dị biệt  
Hoặc có tướng hữu hạn  
Hoặc có tướng vô cùng.  
Trên nữa có các chấp  
Ngã là Thức vô biên,  
Hoặc Vô sở hữu xứ  
Vẫn còn hữu vi thô.  
Chấp Vô tướng gồm bốn:  
Ngã có sắc, không sắc;



Hoặc vừa có vừa không;  
Không có cũng không không.  
Vô tướng bác Hữu tướng,  
Cho tướng là bệnh hoạn,  
Là cục bấu, mũi tên,  
Chỉ Vô tướng thù diệu.  
Nhưng bàn Thức đến đi  
Diệt, sinh hay tăng trưởng  
Ngoài sắc thọ tướng hành  
Là việc làm phi lý.  
Chấp Phi tướng phi phi  
Gồm bốn: có, không sắc,  
Cũng có cũng không sắc,

Không có cũng không không.

Bác hữu tướng cục bấu

Vô tướng thì kỳ cục

Chỉ cái này thù diệu:

Phi tướng phi phi tướng.

Như Lai như thật biết

Nếu nhờ hành sót lại

Mà chúng Phi phi tướng

Vẫn còn hữu vi thô.

Phái chủ trương đoạn diệt

Vẫn xoay quanh tự ngã:

Sau chết, ta thế này

Như chó chạy quanh cột.

Về tự ngã, thế giới  
Có mười sáu kiến chấp  
Liên hệ đến quá khứ:  
Là thường, là Vô thường  
Vừa thường vừa vô thường  
Không thường, không vô thường;  
Là Hữu biên, Vô biên;  
Vừa Hữu biên, vô biên  
Không hữu không vô biên  
Tưởng đồng nhất; sai biệt  
Tưởng hữu hạn, vô lượng;  
Tưởng toàn vui, toàn khổ  
Vừa khổ lại vừa vui;

Không khổ cũng không vui.

Ai cũng cho mình đúng

Các quan điểm khác sai.

Lại có những Sa môn

Từ bỏ các quan điểm

An trú viễn ly hỷ;

Cho đây là thù diệu

Nhưng khi hỷ này diệt

Thì ưu tư sanh khởi.

Kẻ đắc Thiên thứ ba,

Xem lạc này thù diệu

Nhưng khi lạc ấy diệt

Viễn ly hỷ lại sinh

(tụt xuống lại nhị Thiên)  
Như hết mát lại nóng.  
Có người vượt tam Thiên  
Hết bị dục trói buộc  
Chứng tứ Thiên và nghĩ  
"Ta tịch tịnh vô chấp."  
Nhưng họ còn vẫn chấp  
Dẫu đã đi đúng đường.  
Cái Vô thượng tịch tịnh  
Được Như Lai chính giác  
Khi biết rõ năm uẩn:  
Khởi, diệt, và vị ngọt,  
Cùng nguy hiểm của chúng

Nên vô chấp, xuất ly.

## **Trung Bộ Kinh - Bài Kinh Số 103: Như Thế Nào**

(Kimtisutta)

### **I. Toát Yếu**

Kinti Sutta: What Do You Think About Me?

The Buddha explains how the monks can resolve disagreements about the Dhamma

(Các ông nghĩ gì về ta? Phật dạy các Tỳ kheo cách giải quyết những bất đồng về Pháp.)

### **II. Tóm Tắt**

Phật ở Kusinara gọi các Tỳ kheo mà

hỏi, có phải vì bốn sự cúng dường hay vì thành bại (1) mà Thế Tôn thuyết pháp không. Chúng Tỷ kheo thừa không. Ngài chỉ vì từ tâm và lợi tha mà nói pháp. Phật dạy nếu biết thế, thì hãy học tập tất cả pháp mà Như Lai sau khi thân chúng đã truyền dạy - tức là 4 niệm xứ, 4 chính cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 Thánh đạo - và hãy tu học trong tinh thần hòa hợp không tranh cãi. Nhưng trong khi tu học hòa hợp như vậy, có thể có sự bất đồng giữa hai Tỷ kheo về Thắng pháp (2) hoặc về Luật. Nên dàn xếp như sau.

### A. Về pháp:

Vị Tỷ kheo hòa giải nên xét xem sự bất đồng của họ thuộc tính chất nào. Có 4

trường hợp:

1. Giữa 2 phe, có sai khác cả về nghĩa lẫn về văn (3);
2. Hoặc sai khác về nghĩa, đồng nhất về văn;
3. Hoặc đồng nhất về nghĩa, sai khác về văn;
4. Hoặc đồng nhất về nghĩa và văn.

Vị hòa giải nên đến người nào dễ nói trong cả 2 phe để khuyên họ đừng cãi lộn: Với 2 trường hợp đầu, cãi nhau vô ích vì hai bên không đồng nói một chuyện (khác nhau về nghĩa); với 2 trường hợp sau thì chỉ khác nhau về văn là vấn đề nhỏ nhất (4) không nên cãi nhau vô lối.



## B. Về Luật:

Nếu có người phạm giới phạm luật (5) thì không nên khiển trách liền, mà phải suy nghĩ đắn đo như sau, trường hợp nào nên nói, trường hợp nào không nên.

1. Nên sửa sai cho người ấy nếu việc này không hại gì cho ta, cho họ; họ không phần uất, lạnh lợi, dễ nói, và ta có thể khiến họ bỏ ác theo thiện.

2. Vẫn nên sửa sai nếu xét thấy cuối cùng ta sẽ khiến người ấy bỏ ác theo thiện mặc dù có thể gặp một hay nhiều chướng ngại như sau: a) có hại cho ta; b) có hại cho người; c) có hại cho cả hai; d) người kia phần uất; e) chậm lụt; f) khó nói. Nhưng tất cả trở ngại này

đều là việc nhỏ nếu cải hóa được một con người.

3. Ngược lại nếu xét thấy cuối cùng không thể nào sửa đổi họ dù phải chịu những thiệt thòi trên, thì nên xả, nhưng không nên khinh miệt.

Trong khi tu học với tinh thần hòa hiệp, nếu có khởi lên một cuộc cãi nhau, một ý kiến ngoan cố, tâm hiểm hận phần nộ ưu não, thì người hòa giải nên đi đến người nào dễ nói nhất trong mỗi phe và bảo: Có phải nếu biết được việc này thì vị Sa môn (6) sẽ quả trách? Nếu không bỏ việc này (7) thì có thể chứng Niết bàn không? Đương nhiên họ phải đáp rằng Phật sẽ quả trách, và không thể chứng Niết bàn.

Khi sự thuyết phục thành công, nếu có ai hỏi có phải nhờ Ngài mà họ đã an trú vào điều thiện không, vị Tỳ kheo hòa giải chỉ nên nói nhờ được nghe Pháp của Thế Tôn mà họ tự sửa đổi. Trả lời như vậy Tỳ kheo hòa giải khỏi phạm lỗi khen mình chê người.

### **III. Chú Giải**

1. Bhavàbhava<sup>2</sup>hetu, Kinh số: Các người có nghĩ rằng Như Lai giảng Pháp để được công đức, được hưởng vui ở một cõi cao siêu nào chăng?
2. Abhidhamma. Theo Số, ám chỉ 37 pháp trợ đạo nói ở đoạn trước.
3. Nghĩa attha và vān byañjana là hai khía cạnh của Pháp Phật dạy. Xem thêm Trường 29, cũng bàn đến sự bảo

tôn Pháp cho đúng về văn và nghĩa.

4. Đoạn này muốn nói rằng câu văn hơi khác không nhất thiết trở ngại việc hiểu đúng ý nghĩa. Nhưng ở chỗ khác, ví dụ kinh Tăng Chi 2, Phật có dạy rằng Diệu pháp biến mất là do hai yếu tố: diễn đạt sai trên văn tự, và giải sai ý nghĩa.

5. Nguyên tắc chung trong việc sửa sai là: Nếu vị Tỷ kheo có lỗi có thể sửa đổi, thì dù vị ấy có bị tổn thương và bản thân người can gián bị phiền hà, cũng nên can. Nhưng nếu vị ấy không thể nào sửa đổi được, thì người can gián nên có thái độ xả.

6. Vị Sa môn ở đây là đấng Đạo sư (satthà), chỉ đức Phật. Như ở Kinh

Trung Bộ 105.

7. Việc này có nghĩa là sự cãi nhau.

#### **IV. Pháp Số Liên Hệ**

#### **V. Kệ Học Thuộc Lòng**

Phật ở Câu Thi Na

Gọi chư Tỳ kheo hỏi

Như Lai có giảng dạy

Để được phước lợi lành?

Chúng Tỳ kheo thưa không,

Ngài chỉ vì từ tâm

Vì lợi ích tha nhân

Mà thuyết tuyên diệu pháp.

Vậy hãy khéo tu học

Bấm bảy pháp trợ đạo  
Do Như Lai thân chứng  
Trong tinh thần vô tranh.  
Nên hòa giải tranh chấp  
Mỗi khi có bất đồng  
Giữa hai nhóm Tỳ kheo  
Khi bàn về thắng pháp:  
Khác nhau nghĩa và văn;  
Đồng nhất văn, khác nghĩa;  
Đồng nhất nghĩa, khác văn;  
Đồng nhất văn và nghĩa.  
Với hai trường hợp đầu  
(Kẻ nói gà người vịt)

Cãi nhau thật vô ích  
Vì vấn đề khác nhau.  
Với hai trường hợp sau  
- đồng nghĩa, văn hơi khác -  
Cũng không nên cãi nhau  
Về bất đồng vụn vặt.  
Vị Tỳ kheo hòa giải  
Nên đến người dễ nói  
Ở trong cả hai bên  
Để trình bày như trên.  
Khi phạm giới xảy ra  
Xét nên, không nên nói  
Nên nói nếu không hại

Cho người hoặc cho ta;  
Người kia không phần uất,  
Thông minh, biết phục thiện  
Và chính ta có thể  
Đưa họ thoát đường tà.  
Và cũng nên sửa sai  
Nếu xét ra sửa được  
Dù có những phiền phức:  
Hoặc hại bản thân ta  
Hoặc hại đến cho người  
Hoặc ta, người đều hại;  
Hoặc người kia phần uất  
Chậm hiểu, khó thuyết phục.



Tất cả chương ngại này  
Chỉ là điều nhỏ nhất  
So với việc to lớn  
Cải hóa một con người.  
Nhưng nếu xét cho cùng  
Có nói chỉ phí công  
Thì bỏ qua, im lặng  
Nhưng cũng chớ phiền lòng.  
Giữa chúng Tăng bình yên  
Bỗng khởi lên tranh cãi  
Ngoan cố và hiềm hận  
Nên hòa giải đôi bên:  
Đấng Đạo sư biết được

Ngài sẽ quở trách liền.  
Không từ bỏ tranh chấp  
Niết bàn khó chứng nên.  
Nếu hòa giải thành công,  
Nên nói nhờ Phật Pháp  
Mà hai phe tranh chấp  
Tự bỏ ác theo lành.

## **Trung Bộ Kinh - Bài Kinh Số 104: Làng Sama**

### **I. Toát Yếu**

Sàmagàma Sutta.

At Sàmagàma. The Buddha lays down disciplinary procedures for the guidance of the Sangha to ensure its

harmonious functioning after his demise.

(Tại làng Sàma, Phật ấn định những điều luật để chỉ đạo cho Tăng chúng sống hòa hợp sau khi Ngài Niết bàn.)

## II. Tóm Tắt

A. Phật thuyết kinh này ở thôn Xá Di (Samagama) của bộ tộc Thích Ca (Sakka). Sau khi giáo chủ Ni Kiền Tử qua đời ở Pàvā (1), đệ tử chia làm hai phe đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi, khiến Cư sĩ của họ chán ngấy, như đã chán ngấy Pháp và luật vựng thuyết không đưa đến giải thoát, do một người chưa đạt hoàn toàn giải thoát giảng dạy; và bây giờ họ không còn nơi nương tựa (2). Đây là những gì

Sa di Cunda (3) thuật lại với Tôn giả A Nan. Tôn giả đến bạch Phật. Phật dạy trong Phật pháp không có sự cãi nhau về 37 pháp trợ đạo, nên khởi lo. A Nan lại lo có tranh luận về giới luật (4). Phật dạy tranh luận này là việc nhỏ nhặt không đáng kể, chỉ có tranh chấp về Pháp (5) mới đem lại bất an cho đa số.

Rồi Ngài dạy có 6 nguyên nhân tranh chấp (6) là:

- hiềm hận não hại,
- khinh miệt lẫn lườt,
- ganh ghét xan tham,
- gian manh xảo trá,
- ác dục tà kiến,

- cố chấp khó xả.

Do 6 gốc rễ này mà Tỳ kheo sống không kính Đạo sư, Pháp và Tăng, không viên mãn học tập. Vậy hãy có phương pháp dứt các tranh chấp đưa đến bất an cho đa số.

B. Các tranh chấp có 4:

- do tranh luận,
- do chỉ trích,
- do phạm giới,
- do trách nhiệm.

Để diệt 4 tránh sự này (7) có 7 nguyên tắc (8):

1. Hiện tiền tì ni (9): tất cả Tỳ kheo phải có mặt để phán quyết một việc

tranh cãi theo chỉ đạo của Pháp (10);

2. Quyết định đa số (đa nhân mịch tội): khi tránh sự không thể giải quyết tại chỗ, thì phải đi đến một trú xứ nhiều Tỳ kheo hơn, rồi tất cả tập hợp để giải quyết;

3. Ưc niệm tỳ ni (11), để cho đương sự tự nhớ lại có phạm tội Ba la di hoặc gần Ba la di (12) hay không;

4. Bất si tì ni (13): đương sự bị điên đã làm quấy, tỉnh lại không nhớ;

5. Quyết định tùy theo thú nhận (tự ngôn trị) (14): là khi một Tỳ kheo nhớ 1 giới tội, tỏ lộ với một Tỳ kheo lớn tuổi hơn mà sám hối;

6. Quyết định tùy theo giới tội người

phạm (15) (Mịch tội tướng);

7. Trái cỏ che lấp (Như thảo phú địa) (16): cả 2 phe lần lượt cử ra một người đứng lên tỏ lộ tội lỗi của những người phe mình để xí xóa cho nhau, trừ những tội trọng và tội liên hệ đến Cư sĩ (17).

C. Có sáu pháp khả niệm (Lục hòa) đem lại sự hòa hợp (18) cho Tăng chúng, đó là:

- 1) An trú từ thân nghiệp đối với nhau;
- 2) Từ khẩu nghiệp;
- 3) Từ ý nghiệp;
- 4) San sẻ lợi dưỡng;
- 5) Cùng thành tựu giới luật;

6) Thành tựu tri kiến Thánh thiện đưa đến xuất ly.

Thực hành sáu pháp này thì không có một cách nói nào thô hoặc tế mà Tỳ kheo không thể chịu nổi (19). Sáu pháp ấy sẽ mang lại cho Tỳ kheo an lạc hạnh phúc lâu dài.

### **III. Chú Giải**

1. Kinh này mở đầu giống kinh Trường bộ 29, cũng liên quan đến việc duy trì sự hòa hợp của Tăng chúng sau khi Phật nhập diệt.

2. Theo Kinh số, đền thờ và chỗ tựa ở đây là Nàtaputta, vị giáo chủ đã chết.

3. Sa di Cunda là em trai Tôn giả Xá Lợi Phất.



4. Ngay lúc Phật còn ở đời, tranh chấp thuộc loại này cũng đã xảy ra trong chúng Tỳ kheo ở Kosambi, được nói trong Kinh Trung Bộ 48 đoạn 2.

5. Đây là tranh chấp về Bát Thánh đạo hoặc các giác chi khác.

6. Bốn cặp đầu bao gồm các câu uế làm ô nhiễm tâm nói trong Kinh Trung Bộ 7.

7. Adhikarana. Horner dịch là legal questions (vấn đề luật pháp) đề cập đông dài trong Luật tạng. Vấn tắt, ngôn tránh (vivàdadhikarana) khởi lên khi Tỳ kheo cãi nhau về Pháp và Luật; phạm tránh (anuvàdadhikarana) khi buộc tội một Tỳ kheo phạm giới luật; mịch tránh (àphattadhikarana) khi một

Tỳ kheo phạm giới tìm cách chối tội; sự tránh (kiccàdhikarana) liên hệ đến việc thực thi các phận sự của tăng.

8. Adikaranasamatha, chỉ tránh hay diệt tránh. Làm thế nào áp dụng bảy cách diệt tránh để dàn xếp 4 loại tranh chấp, được nói trong Luật tạng.

9. Sammukhàvinaya, Hiện tiền tì ni. Luật giảng là đối diện với, hay với hiện diện của Tăng chúng, Pháp, Luật và những người liên hệ đến việc tranh chấp. Luật này áp dụng cho cả bốn loại tránh sự (chuyện cãi nhau), chỉ khác nhau cách diễn đạt.

10. Dhammanetti samanumajjitabbà, Kinh số đưa ví dụ là mười thiện nghiệp và bất thiện nghiệp, ở đây cốt ám chỉ

## Pháp và Luật.

11. Sativinaya, ức niệm tì ni. Khi một Tỳ kheo vô tội mà bị cử tội thì vị ấy phải xin tăng làm pháp yết ma Ưc niệm để vị ấy nhớ đầy đủ và chính xác hành vi mình.

12. Tội Ba la di, pàràjika, là tội đáng trục xuất khỏi Tăng chúng. Tội gần Ba la di là phạm tăng tàn sanghàdisesa, (cần họp chúng để tỏ lộ và hành sám một thời gian); hoặc phạm những bước đầu tiên đến trọng tội.

13. Amùlavinaya, Bất si tì ni, Một Tỳ kheo trong quá khứ bị bệnh điên đã phạm những giới tội, khi bình phục được tăng làm pháp này. Tiêu chuẩn để xác định sự điên cuồng là đương sự

không nhớ mình đã làm gì trong lúc bị điên.

14. Thủ tục này là phương pháp lập ra đề giải tội cho một tỳ kheo khi phạm một giới tội có thể sám hối để giải tỏa.

15. Pàphiyyàsikà, Mịch tội tướng, pháp này dành cho một Tỳ kheo thường gây rối, ngu si nhiều lỗi, hoặc sống liên hệ bất đáng với tục gia Cư sĩ.

16. Tinavattràraka, Như thảo phú địa, được áp dụng khi Tăng chúng vướng vào một cuộc cãi vã trong đó nhiều Tỳ kheo phạm các tiểu giới. Nếu kết tội những vị này thì tranh chấp sẽ kéo dài, nên Kinh dạy phương pháp để giải tỏa, được ví như lấy cỏ phủ lấp trên phân để khử mùi hôi.

17. Những giới tội đáng khiển trách nặng nề thuộc loại Ba la di và Tăng tàn. Giới liên hệ Cư sĩ là khi vị Tỷ kheo phỉ báng người thế tục.

18. Như kinh 48, đoạn 6.

19. Như kinh 21, ám chỉ ví dụ cái cửa.

#### **IV. Pháp Số Liên Hệ**

#### **V. Kệ Học Thuộc Lòng**

Tại thôn Xá Di

Phật thuyết kinh này

Về bảy diệt tránh

Và pháp Lục hòa

Tôn giả Thuần Đà

Thuật với A Nan

Rằng ở Pa-va  
Đệ tử Ni Kiên  
Sau khi Thầy chết  
Đã chia hai phe  
Cãi nhau kịch liệt  
Tục gia đệ tử  
Đâm ra chán ngấy  
Trước tình trạng ấy  
Cũng như chán ngấy  
Pháp luật vụng thuyết  
Khiến các tín đồ  
Không chỗ tựa nương.  
Tôn giả A Nan

Nghe xong bạch Phật  
Nỗi lo của mình  
Sau Phật Niết bàn  
Có việc tương tự  
Trong Tỳ kheo chúng.  
Phật hỏi Tôn giả  
Ở trong Tăng chúng  
Có ai cãi nhau  
Về Bốn niệm xứ  
Về Bốn chánh cần  
Bốn Như ý túc  
Năm căn năm lực  
Về Bảy giác chi

Và tám Thánh đạo?  
A Nan bạch Phật  
Về các pháp này  
Con không hề thấy  
Hai vị Tỳ kheo  
Nói trái ngược nhau.  
Thế thì khởi sợ.  
Nhưng bạch Thế Tôn  
Sợ có tranh luận  
Về giới và luật.  
Đây là việc nhỏ.  
Tranh chấp về Pháp  
Mới là tai hại



Đem lại bất an  
Cho đa số người.  
Có 6 nguyên nhân  
Đưa đến tranh chấp:  
Hiềm hận nào hại  
Khinh miệt lẫn lườt,  
Ganh tị xan tham  
Gian manh xảo trá,  
Ác dục tà kiến  
Cố chấp khó xả.  
Do 6 pháp này  
Tỳ kheo không kính  
Phật, Pháp và Tăng,

Không tròn học giới.

Vậy hãy tìm cách

Dứt các tranh luận

Đưa đến bất an

Cho cả mọi người.

Tranh chấp có 4:

Do tranh luận Pháp,

Do chỉ trích nhau

Do phạm giới tội,

Và do trách nhiệm.

Để diệt tránh sự

Có 7 nguyên tắc:

Hiện tiền tì ni

Tất cả Tỳ kheo  
Đều phải có mặt  
Mỗi khi phán quyết  
Một việc tranh cãi  
Theo đúng luật pháp.  
Đa nhân mịch tội  
(Quyết định đa số)  
Gặp một tránh sự  
Khó mà giải quyết  
Tại chỗ mình ở,  
Hãy đến trú xứ  
Có nhiều Tỳ kheo  
Hợp lại xử phân.

Ức niệm tỳ ni  
Là cho đương sự  
Tự nhớ tội mình  
Đề rồi xử trị.  
Bất si tỳ ni  
Lúc điên phạm giới  
Nay đã tỉnh lại  
Xin tặng miễn bàn.  
Pháp tự ngôn trị  
Là tỏ lỗi mình  
Trước người lớn hơn  
Đề mà sám hối.  
Pháp Mịch tội tướng

Gặp kẻ chối quanh  
Thì cứ phán xét  
Theo tội đã phạm.  
Trái cỏ che lấp  
Là khi 2 phe  
Đều phạm nhiều lỗi  
Cử ra đại diện  
Xin lỗi lẫn nhau.  
Cuối cùng Phật dạy  
Sáu pháp khả niệm  
(thường gọi Lục hòa):  
Tỳ kheo sống chung  
Thân khẩu ý nghiệp

Thấm nhuần từ tâm;  
San sẻ lợi dưỡng;  
Thành tựu giới luật;  
Tri kiến Thánh thiện  
Đưa đến xuất ly.  
Thực hành như vậy  
Thì không có gì  
Không thể kham nhẫn;  
Sáu pháp khả niệm  
Làm cho Tăng chúng  
An vui lâu dài.

Hết Quyển I I I

